

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ được hỗ trợ bởi diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu ngân hàng trước dự báo tích cực của IMF về triển vọng vĩ mô trong nước.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến tích cực trong ngày đáo hạn F2011 nhờ những dự báo tích cực của IMF về tăng trưởng kinh tế Việt Nam.

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

HPG, VHC

[Cập nhật công ty]

VHC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế đã mở, tránh mua đuổi và chỉ gia tăng tỷ trọng cho vị thế ngắn hạn nếu thị trường quay xuống vùng hỗ trợ được nâng lên ở 955-960.

19/11/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	983.26	+1.00
VN30	944.92	+0.77
HĐTL VN30F1M	944.20	+0.88
HNXIndex	146.85	+0.03
HNX30	267.60	+0.07
UPCoM	66.05	+0.26
USD/VND	23,177	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.56	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+3
Dầu (WTI, \$)	41.38	-1.05
Vàng (LME, \$)	1,861.25	-0.59



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 983.26 (+1.00%)
KLGD (triệu CP) 500.1 (+13.5%)
GTGD (triệu U\$) 461.8 (+6.7%)

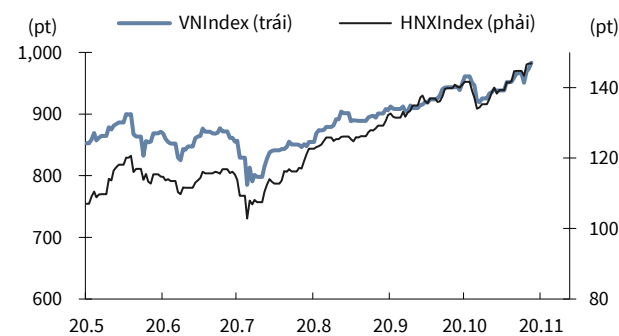
HNXIndex 146.85 (+0.03%)
KLGD (triệu CP) 56.7 (-4.5%)
GTGD (triệu U\$) 40.0 (+0.5%)

UPCoM 66.05 (+0.26%)
KLGD (triệu CP) 21.0 (-10.1%)
GTGD (triệu U\$) 14.5 (-2.2%)

NĐTNN mua ròng (triệu U\$) +16.6

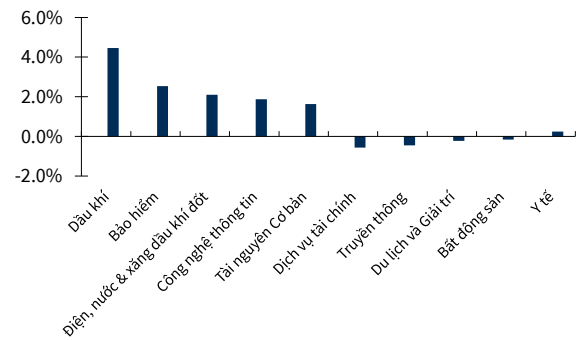
TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ được hỗ trợ bởi diễn biến tích cực của nhóm cổ phiếu ngân hàng trước các dự báo tích cực của IMF về triển vọng vĩ mô trong nước. Cụ thể, mới đây đại diện IMF cho biết đã nâng dự báo kinh tế Việt Nam lên 2.4% cho năm 2020 (so với dự báo đưa ra cách đây 1 tháng là 1.6%), giúp cổ phiếu ngân hàng tăng giá đồng loạt ở VCB (+3%), CTG (+1.7%). Cổ phiếu ngành điện như PC1 (+2.6%), VSH (+3.2%) tăng giá sau khi Viện Năng Lượng (thuộc Bộ Công Thương) đưa ra dự báo nhu cầu điện thương phẩm sẽ tăng bình quân 8.3%/năm từ nay đến 2030. Báo Nikkei Asia đưa ra các dự báo tích cực về triển vọng lĩnh vực xuất khẩu của Việt Nam trong nửa đầu năm 2021, qua đó giúp cổ phiếu ngành cảng biển giao dịch tích cực ở HAH (+1.8%), TCL (+1.1%). Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng ở VJC (+0.2%), VNM (+0.3%), VCB (+3%).

VNIndex & HNXIndex



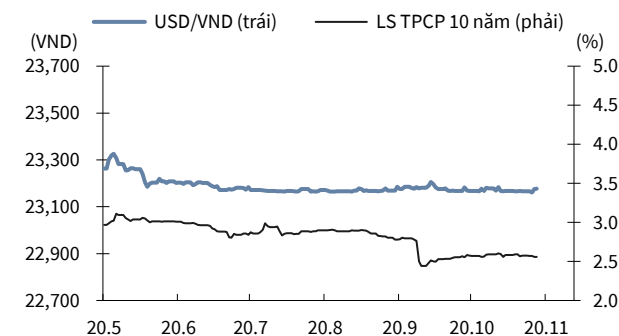
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



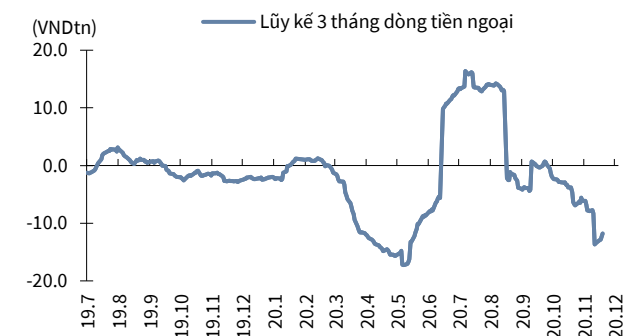
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

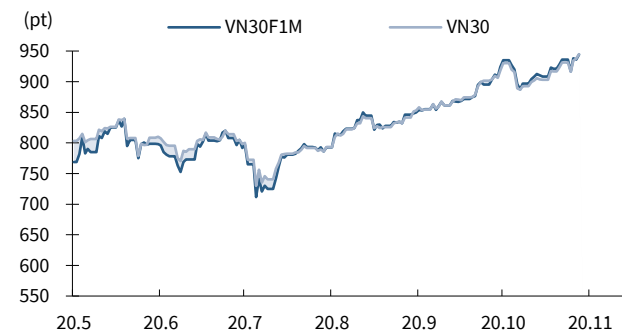
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	944.92 (+0.77%)
VN30F1M	944.2 (+0.88%)
Mở cửa	935.9
Cao nhất	946.3
Thấp nhất	935.4

HĐTL diễn biến tích cực trong ngày đáo hạn F2011 nhờ những dự báo tích cực của IMF về tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Chênh lệch F2011 và VN30 mở cửa ở -1.77 và giao động giằng co từ -2.5 và 1.7, đóng cửa ở -0.72. NĐTNN bán ròng F2011 và mua ròng nhẹ ở F2012. Thanh khoản thị trường giảm với F2011 và tăng với F2012.

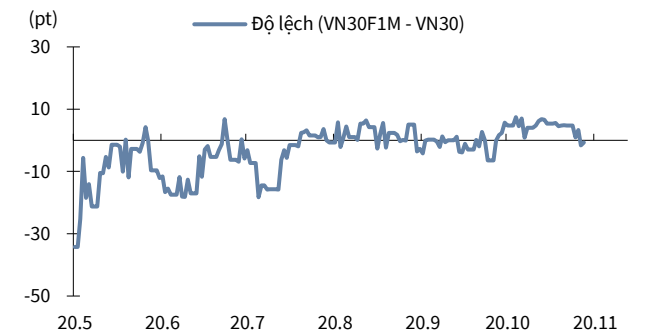
KLGD (HĐ) **100,485 (-35.5%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



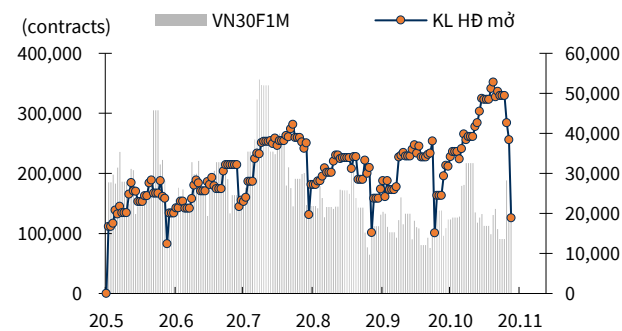
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



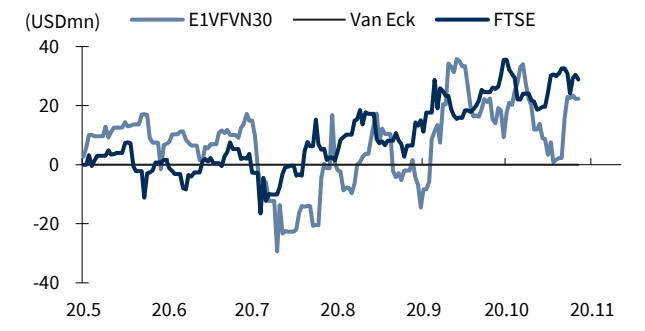
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

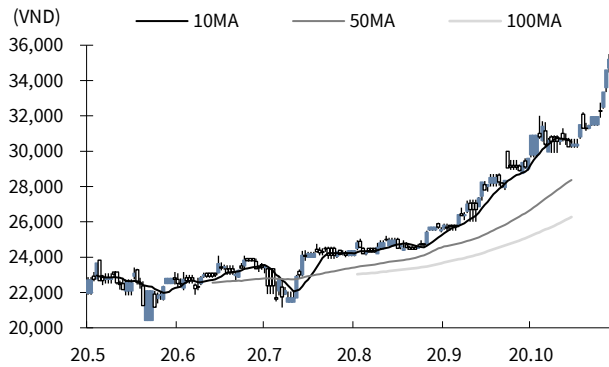
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

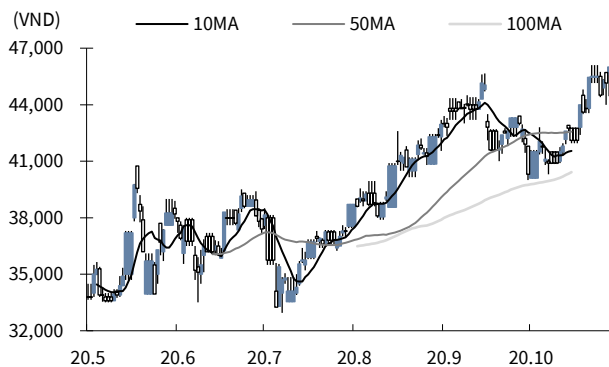
Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 1.7% lên 35,200 VNĐ/cp.
- Theo thông tin từ HPG, khối lượng đơn hàng thép cuộn cán nóng (HRC) đã lên tới trên 140,000 tấn cho tháng 1 năm 2021 trong khi khả năng cung cấp của doanh nghiệp mới chỉ đạt 70,000 tấn do phải dành một phần cho sử dụng nội bộ. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng đang tích cực thực hiện các thủ tục pháp lý nhằm đầu tư mở rộng dự án tại Dung Quất với trọng tâm là sản phẩm HRC, qua đó duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong dài hạn.

Thuỷ sản Vĩnh Hoàn (VHC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VHC tăng 1.9% lên 46,000 VNĐ/cp.
- Theo bản tin IR tháng 10/2020, VHC đạt doanh thu xuất khẩu 735 tỷ đồng (+11% YoY). Trong đó, doanh thu mảng cá tra đạt mức 538 tỷ đồng (+9% YoY), sản phẩm phụ 103 tỷ đồng (+42% YoY) và dòng sản phẩm Wellness 46 tỷ đồng (+42% YoY). Xét về thị trường tiêu thụ, Mỹ tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn với 242 tỷ đồng (-1% YoY), thị trường Trung Quốc tăng đáng kể 33% lên mức 210 tỷ đồng nhờ nhu cầu bắt đầu phục hồi trở lại.

CTCP Vĩnh Hoàn (VHC)

Nâng giá mục tiêu nhờ dây chuyền collagen mới

Chuyên viên phân tích Thủy sản
Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

19/11/2020

Hoàn thành dây chuyền sản xuất collagen & gelatin mở rộng; duy trì khuyến nghị MUA và nâng giá mục tiêu 12 tháng từ 47,100 VND/cp lên 56,100 VND/cp

Tăng thêm mỗi năm 210 tỷ VND lợi nhuận khi đạt 100% công suất (tăng 15% so với dự phóng trước đó)

Giảm 11% lợi nhuận dự phóng Q4 xuống còn 289 tỷ VND để phản ánh tình hình dịch kéo dài ở các thị trường xuất khẩu

Trong tháng 10, VHC đã hoàn thành dây chuyền sản xuất collagen & gelatin mở rộng, dự kiến tăng công suất thêm 75% lên mức 3,500 tấn/năm. Chúng tôi ước tính dây chuyền mở rộng này sẽ tăng lợi nhuận của mảng sản phẩm sức khỏe thêm 210 tỷ VND mỗi năm. Chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA và nâng giá mục tiêu 12 tháng của VHC từ 47,100 VND/cp lên 56,100 VND/cp. Tuy vậy, chúng tôi lo ngại tình hình đại dịch sẽ còn tiếp diễn vào nửa đầu năm 2021E và triển vọng xuất khẩu cá tra vẫn chưa thể hồi phục hoàn toàn trong Q4.

Chúng tôi kỳ vọng dây chuyền sản xuất mới sẽ đạt 55% công suất trong năm 2021E, tăng 248 tỷ VND doanh thu (khoảng 3% tổng doanh thu) và 100 tỷ VND lợi nhuận (khoảng 9% LNST). Chúng tôi ước tính khi đạt 100% công suất, dây chuyền này sẽ tăng thêm mỗi năm 210 tỷ VND lợi nhuận, tương đương tăng 15% LNST so với dự phóng trước đó. Tuy vậy, với tình hình xuất khẩu khó hồi phục hoàn toàn vào nửa đầu năm 2021E, chúng tôi chỉ tăng dự phóng lợi nhuận 2021E lên mức 1,174 tỷ VND (tăng 4%) tương đương EPS 6,401 VND/cp (+40% YoY).

Chúng tôi hạ dự phóng lợi nhuận Q4 xuống còn 289 tỷ VND (giảm 11% so với dự phóng trước đó) do tình hình đại dịch kéo dài ở hầu hết các thị trường xuất khẩu, đặc biệt là Mỹ và EU. Đồng thời, chúng tôi cũng hạ dự phóng lợi nhuận cả năm 2020E xuống còn 840 tỷ VND (giảm 13%) tương đương EPS 4,583 VND/cp. Mặc dù vậy, chúng tôi kỳ vọng xuất khẩu cá tra sẽ dần hồi phục vào năm 2021E, với thị trường Trung Quốc đang ấm lên trở lại.

Năm giữ duy trì

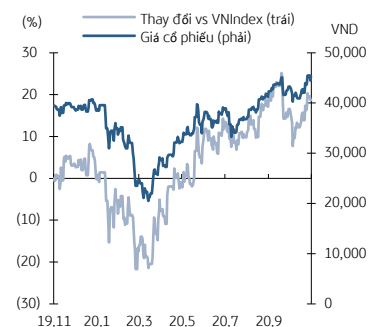
Giá mục tiêu	56,100 VND
Tổng mức sinh lời (%)	28.3%
Giá hiện tại (17/11/2020)	45,300 VND
Giá consensus	51,200 VND
Giá trị vốn hóa (triệu USD)	357 tr.USD

Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ free-float (%)	50.2%
GTGD trung bình (3T)	1.03 tr.USD
Room khối ngoại (%)	66.9%
Cổ đông lớn (%)	Trương Thị Lệ Khanh (43.2%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	4.6	23.3	40.5	14.7
Tương đối	1.9	8.2	19.9	18.7

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2019A	2020E	2021E	2022E
Doanh thu (tỷ VND)	7,867	7,373	9,218	10,882
EBIT	1,132	859	1,256	1,604
LN sau CĐTS	1,179	840	1,174	1,472
EPS (VND)	6,430	4,583	6,401	8,026
Thay đổi EPS (%)	(18.2)	(28.7)	39.7	25.4
P/E (x)	7.0	9.9	7.1	5.6
EV/EBITDA (x)	7.0	8.3	6.2	4.9
P/B (x)	1.7	1.6	1.4	1.2
ROE (%)	26.5	16.5	20.9	23.2
Tỷ suất cổ tức (%)	2.3	4.4	6.6	7.7

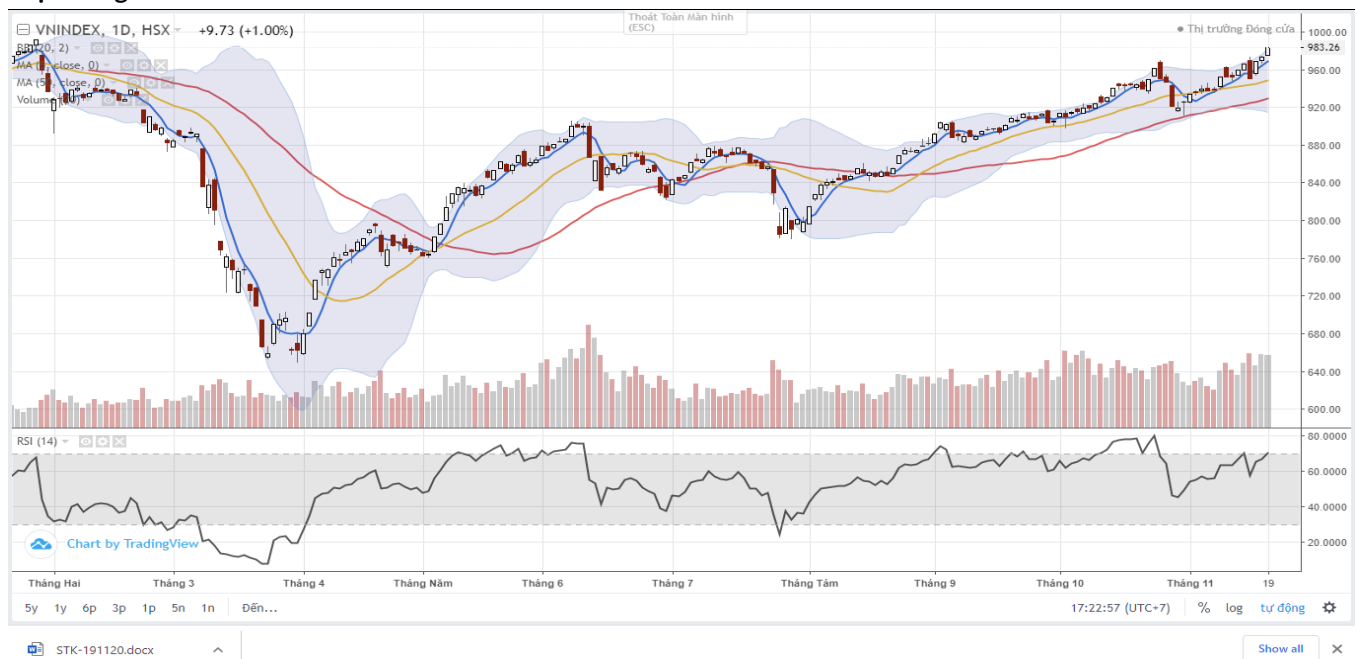


Nguồn: Bloomberg, Chứng khoán KB Việt Nam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

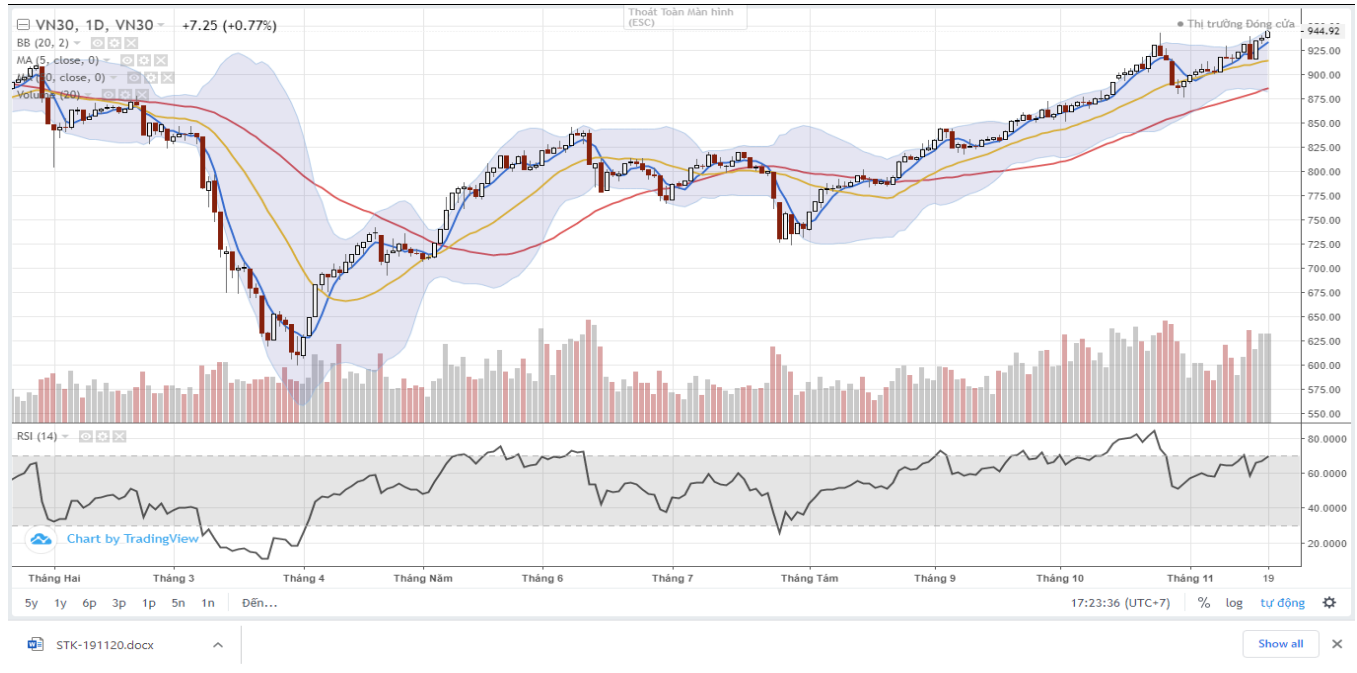
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



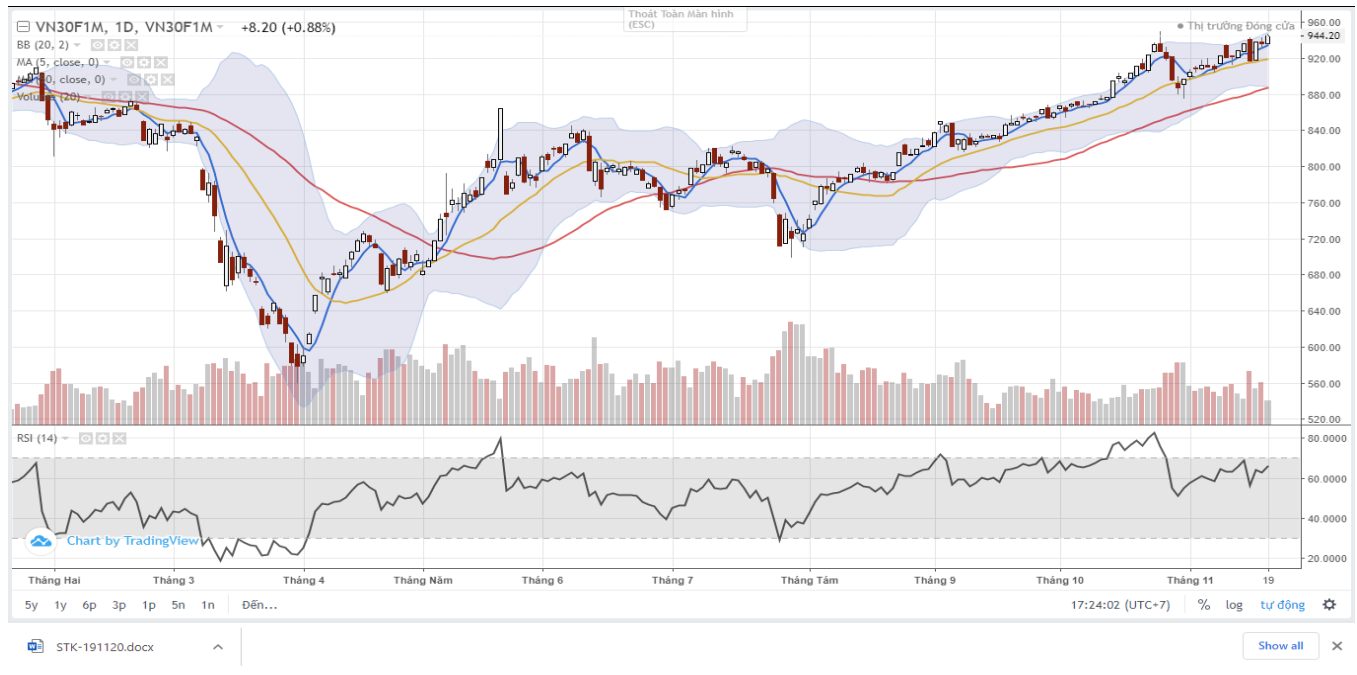
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng đầu phiên và dần mở rộng đà tăng về cuối phiên.
- Với việc bứt phá khỏi vùng đỉnh cũ 970, chỉ số đang hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1000. Tuy nhiên, diễn biến rung lắc sẽ xuất hiện nhiều hơn khi chỉ số tiếp cận vùng kháng cự trên.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế đã mở, tránh mua đuổi và chỉ gia tăng tỷ trọng cho vị thế ngắn hạn nếu thị trường quay xuống vùng hỗ trợ được nâng lên ở 955-960.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa:	96x
Kháng cự gần:	950 - 952
Hỗ trợ gần:	938 - 940
Hỗ trợ xa:	927 - 930

- F1 diễn biến tăng điểm trong ngày đáo hạn với đà tăng được mở rộng vào cuối phiên sau nhịp giằng co giữa phiên.
- Với xu hướng tăng hiện hữu, F1 đang có cơ hội vượt vùng đỉnh cũ quanh 950 và hướng lên vùng cản kế tiếp tại 96x. Tuy nhiên, diễn biến rung lắc sẽ xuất hiện nhiều hơn khi tiếp cận vùng cản.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở, chỉ gia tăng thêm tỷ trọng nếu về lại vùng hỗ trợ sâu.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

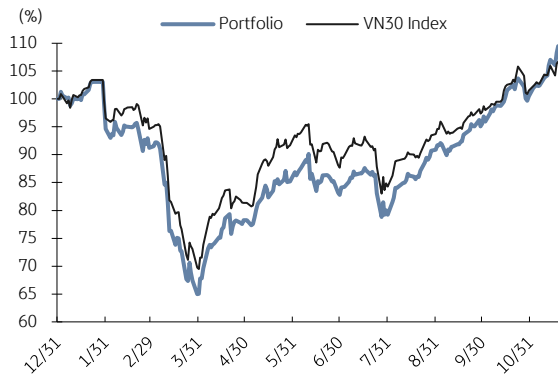
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.32%	1.08%
Tăng lũy kế (YTD)	6.67%	9.48%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 19/11/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	110,600	-1.3%	-4.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	28,550	-0.2%	16.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	73,500	-0.7%	-4.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	19,650	0.5%	14.6%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	43,900	-0.6%	29.1%	- Màng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	54,000	0.0%	61.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	32,750	0.8%	34.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	80,000	6.0%	9.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	34,600	3.7%	77.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	14,750	2.4%	7.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VJC	0.2%	17.9%	113.8
VNM	0.3%	57.9%	97.3
VCB	3.0%	23.6%	88.2
VRE	1.5%	30.3%	84.5
CTG	1.7%	29.1%	53.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLC	0.4%	1.0%	0.6
BNA	-1.0%	0.9%	0.5
SZB	0.0%	0.4%	0.3
NVB	0.0%	4.5%	0.2
MBS	0.0%	0.1%	0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	11.6%	HPG, POM
Hóa chất	8.4%	GVR, PHR
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.2%	GAS, POW
Bảo hiểm	4.9%	BVH, BIC
Dầu khí	4.5%	PLX, PVD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-1.9%	YEG, PNC
Bất động sản	-0.7%	VIC, BCM
Thực phẩm và đồ uống	0.1%	MSN, BHN
Y tế	0.3%	DHG, VMD
Bán lẻ	0.5%	DGW, PSH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	22.6%	GVR, PHR
Tài nguyên Cơ bản	18.2%	HPG, HSG
Hàng cá nhân & Gia dụng	9.1%	PNJ, TCM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	7.8%	GAS, AAA
Du lịch và Giải trí	6.6%	VJC, HVN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.5%	YEG, PNC
Ô tô và phụ tùng	-2.1%	TCH, CSM
Ngân hàng	0.2%	BID, VIB
Công nghệ thông tin	1.8%	SGT, ICT
Bất động sản	1.8%	VIC, BCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	104,000	351,773 (15,178)	91,077 (3.9)	22.9	56.5	41.8	19.5	6.7	8.7	4.0	3.7	-0.9	-2.6	6.4	-9.6
	VHM	VINHOMES JSC	77,500	254,937 (11,000)	199,244 (8.6)	27.1	9.6	8.2	35.1	38.2	31.8	3.0	2.2	0.3	0.4	1.8	-8.6
	VRE	VINCOM RETAIL JS	27,900	63,398 (2,735)	150,684 (6.5)	18.7	26.7	19.8	-2.7	8.3	11.5	2.2	2.1	1.5	2.6	2.0	-17.9
	NVL	NO VA LAND INVES	61,500	60,622 (2,616)	85,752 (3.7)	32.9	16.4	17.0	1.6	15.3	12.7	2.4	-	0.0	-0.8	-1.8	3.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,750	13,830 (597)	32,121 (1.4)	9.8	12.8	10.7	14.3	14.1	15.6	1.7	1.5	0.6	1.4	4.4	-3.4
	DXG	DAT XANH GROUP	14,100	7,308 (315)	80,526 (3.5)	13.0	17.7	7.1	-55.3	3.1	14.0	1.0	0.9	-0.4	4.4	15.6	-2.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	90,200	334,541 (14,434)	78,384 (3.4)	6.4	20.6	17.5	10.4	19.4	19.0	3.5	2.9	3.0	4.4	3.1	0.0
	BID	BANK FOR INVESTM	40,400	162,490 (7,011)	70,769 (3.1)	12.7	25.4	17.9	-3.7	9.2	11.6	2.0	1.8	0.9	2.0	-3.6	-12.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	23,400	81,903 (3,534)	533,915 (23.0)	0.0	7.7	6.6	5.4	16.0	15.9	1.1	1.0	0.2	4.9	1.7	-0.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	33,300	123,989 (5,350)	266,233 (11.5)	0.9	14.8	11.5	26.1	12.0	13.6	1.5	1.4	1.7	7.4	3.6	59.3
	VPB	VIETNAM PROSPERI	25,500	62,163 (2,682)	178,269 (7.7)	0.4	7.5	6.5	5.2	17.9	16.8	1.2	1.0	2.4	6.9	4.3	27.5
	MBB	MILITARY COMMERC	19,500	54,076 (2,333)	158,824 (6.9)	0.1	7.0	6.0	9.4	18.3	17.6	1.1	1.0	-0.8	4.3	6.8	7.8
	HDB	HDBANK	25,450	31,957 (1,379)	79,143 (3.4)	2.3	7.2	6.3	25.8	19.1	18.4	1.2	1.0	-0.8	-1.7	2.8	20.1
	STB	SACOMBANK	14,200	25,612 (1,105)	199,015 (8.6)	14.5	14.8	12.1	11.0	7.4	8.4	0.9	0.9	0.0	3.6	0.7	41.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	24,700	20,169 (870)	47,292 (2.0)	0.0	6.6	5.4	30.8	22.4	20.4	1.3	1.0	-0.2	2.1	-3.1	17.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,150	21,085 (910)	5,495 (0.2)	0.0	26.8	29.2	9.1	5.5	4.7	1.3	1.2	-0.3	-0.9	-0.3	-3.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	56,900	42,238 (1,822)	53,721 (2.3)	20.4	34.6	29.2	2.5	6.3	7.7	2.2	2.1	2.9	5.4	2.5	-17.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	28,950	2,645 (114)	6,864 (0.3)	14.4	-	-	-	8.2	9.1	1.1	1.1	-0.9	-0.2	5.3	16.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	18,450	11,087 (478)	86,683 (3.7)	51.6	12.5	11.4	-15.9	9.2	9.7	-	-	0.3	5.4	0.5	18.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	40,800	6,756 (292)	42,980 (1.9)	73.8	-	-	-	-	-	-	-	-5.2	-4.0	6.0	38.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	23,300	7,107 (307)	60,318 (2.6)	51.5	-	-	-	-	-	-	-	0.4	3.1	1.7	9.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,450	3,639 (157)	25,825 (1.1)	15.9	-	-	-	-	-	-	-	-1.4	0.9	9.1	21.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,700	229,234 (9,891)	207,036 (8.9)	42.1	22.4	20.5	6.3	38.6	39.7	8.0	7.3	0.3	2.5	1.9	13.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	193,700	124,216 (5,359)	18,953 (0.8)	36.9	29.1	24.7	1.8	22.3	25.0	6.1	5.3	5.5	5.6	3.2	-15.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	82,000	96,324 (4,156)	248,554 (10.7)	15.1	104.2	38.5	-58.2	2.4	6.7	3.0	2.9	-1.1	-11.9	0.0	45.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,000	12,194 (526)	16,976 (0.7)	48.9	-	-	-	-	-	-	-	0.0	-0.9	-6.8	-20.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	113,700	59,560 (2,570)	62,808 (2.7)	12.1	-	19.0	-91.0	0.0	20.3	4.1	3.6	0.2	0.9	8.8	-22.2
	GMD	GEMADEPT CORP	26,900	7,987 (345)	25,103 (1.1)	0.0	20.0	17.9	-53.1	6.8	7.3	1.3	1.3	-3.2	2.3	13.0	15.5
	CII	HO CHI MINH CITY	17,000	4,060 (175)	23,481 (1.0)	39.2	8.6	7.9	142.2	9.6	9.4	0.8	0.7	0.9	-0.6	-9.1	-24.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,200	1,249 (054)	11,534 (0.5)	47.3	-	-	-	-	-	-	-	-0.9	-0.9	-1.3	-87.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	20,600	9,681 (418)	186,733 (8.1)	36.3	25.2	10.8	-20.9	10.5	13.6	-	-	-1.0	5.1	-1.9	6.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	61,800	4,715 (203)	53,556 (2.3)	2.9	7.5	8.1	-33.0	7.6	7.0	0.6	0.5	-2.4	-0.3	6.9	20.5
	REE	REE	43,900	13,611 (587)	19,117 (0.8)	0.0	9.0	8.1	-9.6	13.4	13.8	1.2	1.1	0.0	-1.3	5.5	20.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	82,100	157,135 (6,780)	79,767 (3.4)	46.0	19.4	16.6	-14.2	17.0	18.4	3.1	3.1	2.6	11.9	10.9	-12.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	23,000	6,621 (286)	3,652 (0.2)	29.6	10.2	9.8	-7.4	15.4	16.4	1.6	1.5	0.0	-1.3	-1.3	6.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,000	7,374 (318)	3,544 (0.2)	33.7	8.8	8.4	-13.6	14.4	14.6	1.2	1.2	0.0	1.3	-2.1	-14.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	35,200	116,628 (5,032)	565,075 (24.4)	15.8	10.5	8.7	14.1	20.6	20.6	2.0	1.7	1.7	11.9	21.8	79.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,300	6,770 (292)	46,200 (2.0)	36.6	10.1	11.3	6.3	9.5	8.3	0.8	0.8	-0.3	-2.0	2.7	33.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	12,400	6,565 (283)	40,838 (1.8)	45.3	12.1	21.3	-3.9	9.3	5.6	1.0	1.1	0.0	-2.0	0.0	90.8
	HSG	HOA SEN GROUP	18,800	8,353 (360)	201,314 (8.7)	37.8	10.2	9.2	71.2	13.3	12.2	-	-	-1.3	5.6	28.3	152.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,300	2,728 (118)	14,808 (0.6)	97.7	6.6	7.5	39.3	13.3	10.5	0.7	0.6	7.0	8.8	3.4	1.7
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	50,700	61,794 (2,666)	21,148 (0.9)	4.1	55.3	17.5	-43.4	5.0	15.4	2.5	2.2	4.8	4.3	2.7	-9.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	12,700	5,348 (231)	68,429 (3.0)	39.5	48.7	41.4	-14.7	0.8	1.2	0.4	0.4	1.2	6.7	11.4	-15.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	15,150	4,264 (184)	33,221 (1.4)	32.0	8.9	8.2	-11.1	10.5	10.6	0.9	0.8	2.4	3.1	10.2	-9.8
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	112,000	50,692 (2,187)	108,737 (4.7)	0.0	13.5	10.0	11.2	26.9	28.9	3.3	2.6	1.3	0.8	4.9	-1.8
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	74,000	16,659 (719)	85,190 (3.7)	0.0	18.4	15.2	0.2	20.8	23.3	3.4	3.1	0.7	0.5	9.6	-14.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,200	1,383 (060)	1,579 (0.1)	69.8	18.6	13.5	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	0.0	-1.8	-1.8	19.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	22,600	1,785 (077)	8,597 (0.4)	13.6	15.1	10.7	-48.5	6.8	12.1	1.2	1.1	1.8	-2.4	-3.4	7.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	63,900	8,658 (374)	58,758 (2.5)	36.7	8.7	8.0	25.2	36.4	31.8	2.9	2.5	1.1	4.2	15.6	67.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	102,900	13,454 (580)	463 (0.0)	45.2	19.1	17.7	11.9	21.6	20.5	3.7	3.4	-0.1	-1.0	-0.1	12.5
	PME	PYMEPHARCO JSC	73,600	5,521 (238)	1,085 (0.0)	29.9	15.7	-	7.3	16.4	-	2.6	-	-0.1	0.7	6.7	35.5
IT	FPT	FPT CORP	55,100	43,193 (1,864)	122,544 (5.3)	0.0	12.6	10.9	19.1	22.7	23.5	2.5	2.3	2.0	3.0	3.4	8.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.